TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày: 07/03/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Rung K'Nhơn**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà: **Lương Quỳnh Anh**
+ Ông: **Tô Hiến Tiến**
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa*** : Bà **Hoàng Thị Thanh** –Thư ký Tòa án
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:*** Ông **K'Đào** – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đam Rông. Tòa án nhân dân huyện Đam Rông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:03/2018/HSST ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn S**. Sinh năm: 1994. Tại: Thanh Hóa. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã S, huyện R, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12. Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Họ tên cha: Trần Văn H; sinh năm: 1970. Họ tên mẹ: Trần Thị B ; Sinh năm: 1969. Gia đình bị cáo có 05 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2012, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị M. Sinh năm: 1999.Con có 01 con

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/9/2017 đến ngày 30/10/2017 bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Rơ Ông Y T**, sinh năm: 2000, tại Lâm Đồng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã S, huyện R, tỉnh Lâm Đồng. Quốc tịch:Việt Nam, dân tộc: M'nông, tôn giáo: không. Nghề nghiệp: làm nông, trình độ văn hóa: 06/12. Họ và tên cha Rơ Nang Y D, sinh năm 1974; Họ và tên mẹ: Rơ Ông H'Y, sinh năm: 1974. Gia đình bị

cáo có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1997,nhỏ nhất sinh năm 2011, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình. Vợ,con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Rơ Ông Y Thế: Bà **Nguyễn Ngọc Hoàng G** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Sùng Seo P ; Sinh năm: 1971

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã M, huyện R, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Họ và tên: **Giàng A H** ; Sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn A, xã M, huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Qh** ; Sinh năm: 1978

Trú tại: Thôn L, xã S, huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa

- Họ và tên: **Triệu Quang T** ; Sinh năm: 1995.

Trú tại: Thôn Đ, xã S, huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng thì các bị cáo Trần Văn S, Rơ Ông Y T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông truy tố về hành vi pham tội như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 08/02/2017, Trần Văn S và Rơ Ông Y T bàn bạc nhau xem nhà nào có sơ hở thì đột nhập vào trộm cắp tài sản. Y Thế điều khiển xe máy không biển số chở S đi vào đường 135 đi về hướng xã M. Khi đi đến đoạn gần nhà ông Sùng A D (thuộc địa phận thôn A, xã M) thì T và S phát hiện 01 xe mô tô mang BKS 51V2-9904 để ở bên phải lề đường, gần mương nước theo hướng đi từ xã N qua xã M. Thấy xung quanh vắng người, không có ai trông coi nên S và T nảy sinh ý định trộm cắp. Sơn tiếp cận xe máy, nhận thấy xe không có chìa khóa nên S đạp khởi động máy thì xe nổ, sau đó Sơn điều khiển xe vừa trộm cắp được về nhà Y T. Tại đây S và T tháo BKS 51V2-9904 và lắp BKS 86Y2-0617 vào xe máy trộm cắp. Đến 15 giờ cùng ngày thì S và Y T đem xe trộm cắp được bán cho anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978 ở Thôn L, xã S. Thấy xe không có giấy tờ nên anh Q yêu cầu phải có ai ở gần đây có chứng minh nhân

dân đứng ra bảo đảm thì mới mua. S đã chạy lên quán net Galaxy gặp Triệu Quang T sinh năm 1995, có hộ khẩu cùng S, nhờ T đứng ra bảo đảm. Và T có hỏi S là xe của ai thì S nói là xe của Y T, do bạn bè quen biết nhau nên T đã đồng ý. Do quen biết T nên anh Q yêu cầu T phải đứng ra viết giấy cam đoan lên giấy chứng minh nhân dân phô tô của T với nội dung là: "Hôm nay,ngày 08/2/2017 Rơ Ông Y T có bán 01 chiếc xe Way không cà vẹt cho anh Q, nếu là xe trộm cắp anh T hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, BS 86Y2-0617" và Y T ký, ghi họ tên ở dưới. Sau khi viết cam đoan xong anh Q đồng ý mua xe với giá 800.000đ, S sử dụng toàn bộ số tiền bán xe để mua 04 tép ma túy của một người dân tộc Mông (chưa rõ tên tuổi ở xã Q, huyện G, tỉnh Đắk Nông). Sau đó S và Y T sử dụng hết số ma túy này.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra – công an huyện Đam Rông đã thu giữ 01 xe mô tô mang BKS 51V2-9904 nhãn hiệu Havico, số khung CH6UM5K – 608344, số máy: P52FMHH-608344 là tài sản hợp pháp của ông Sùng Seo P. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Sùng Seo P là chủ sở hữu hợp pháp.

Hội đồng định giá tài sản huyện Đam Rông đã định giá xe mô tô BKS 51V2-9904 mà các bị can chiếm đoạt có giá trị 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 01/QĐ-KSĐT ngày 05/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, để xét xử Trần Văn S và Rơ Ông Y T về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã truy tố, các bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

Người bị hại không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo thì thấy rằng hành vi của bị cáo Trần Văn S và Rơ Ông Y T đã có đủ căn cứ để truy tố về hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với Trần Văn S và Rơ Ông Y T về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tang vật thu giữ, nên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và

Điều 138, điểm h, p khoản 1 điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn S và Rơ Ông Y T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả cho ông Giàng A H số tiền là 800.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo Rơ Ông Y T trình bày: Việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo Y T về tội trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nhưng về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Y T từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, là quá nghiêm khắc, bởi bị cáo Y T hiện chưa đến tuổi thành viên, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo Y T là phù hợp.

Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sợ đã thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH NHƯ SAU

1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng:

Trong quá trình điều tra, khởi tố. Truy tố bị cáo, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đam Rông, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp pháp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2]. Về yếu tố cấu thành tội phạm:

Theo lời khai của các bị cáo, để có tiền mua ma túy, và chơi game, nên Trần Văn S và Rơ Ông Y T bàn bạc nhau xem nhà nào có sơ hở thì đột nhập vào trộm cắp tài sản. Sau khi bàn bạc Y T điều khiển xe máy không biển số chở S đi vào đường 135 đi về hướng xã M. Khi đi đến đoạn gần nhà ông Sùng A D (thuộc địa phận thôn A, xã M) thì T và S phát hiện 01 xe mô tô mang BKS 51V2-9904 để ở bên phải lề đường, gần mương nước, quan sát xung quanh vắng người, không có ai trông coi nên S và T đã tiếp cận xe

máy, S khởi động máy thì xe nổ, sau đó Sơn điều khiển xe vừa trộm cắp được về nhà Y T. Tại đây S và T tháo BKS 51V2-9904 và lắp BKS 86Y2-0617 vào xe máy trộm cắp. Đến 15 giờ cùng ngày thì S và Y T đem xe trộm cắp được bán cho anh Nguyễn Văn Q với giá 800.000đ. Hội đồng định giá tài sản huyện Đam Rông đã định giá xe mô tô BKS 51V2-9904 mà các bị can chiếm đoạt có giá trị 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Như vậy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật thu giữ. Nên đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Văn S và Rơ Ông Y T phạm tội " Trộm cắp tài sản" Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, do muốn có tiền tiêm chích ma túy, chơi game mà các bị cáo đã bàn bạc và lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, biến tài sản của người khác thành tài sản của mình rồi đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân, làm cho người dân không yên tâm làm ăn. Vì vậy cần áp dụng mức án nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo biết tôn trọng kỷ cương pháp luật, trở thành người tốt và người có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này bị cáo S là người rủ rê, đồng thời là người trực tiếp trộm cắp tài sản, nên bị cáo S là người giữ vai trò chính trong vụ án, còn bị cáo Y T sau khi được S rủ rê đã đồng ý ngay và lấy xe chở bị cáo Sơn để tìm tài sản trộm cắp, đồng thời là người đi bán tài sản trộm cắp được để lấy tiền tiêu xài cá nhân, vì vậy xác định bị cáo Y T là đồng phạm trong vụ án.

Tuy nhiên xét nhân thân các bị cáo là dân lao động, tuổi đời còn trẻ, nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, lần đầu phạm tội hậu quả do hành vi phạm tội gây ra không lớn; Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trao trả lại cho chủ sở hữu, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm h, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Trần Văn S và Rơ Ông Y T. Bị cáo S là lao động chính trong gia đình, vợ mới sinh con, bị cáo Y T khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đến tuổi thành niên. Do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng điều 60 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương là phù hợp.

Trong vụ án này Nguyễn Văn Q là người mua xe do Y T bán, Triệu Quang T là người đứng ra bảo lãnh, Giàng A H là người mua xe do Q bán, nhưng Q và T điều không biết đây là chiếc xe Mô tô do trộm cắp được, nên cơ quan điều tra không xem xét khởi tố điều tra truy tố Q, H và T về tội tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có là đúng quy định pháp luật.

3].Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa hôm nay người bị hại Sùng Seo P không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với khoản tiền 800.000đ mà Q trả cho Y T khi mua chiếc xe Mô tô, sau khi bị phát hiện gia đình bị cáo S và bị cáo Y T đã trả lại cho Q, Q không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản tiền 1.800.000đ Hòa trả cho Q khi mua xe, hiện nay Qmới trả lại cho Giàng A H 1.000.000đ, còn lại 800.000đ chưa trả H yêu cầu Q phải trả, xét thấy yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp, nên cần chấp nhận.

4]. Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô mang BKS 51V2-9904 nhãn hiệu Havico, số khung CH6UM5K – 608344, số máy: P52FMHH-608344 là tài sản hợp pháp của ông Sùng Seo Pao. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Sùng Seo P là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc ra quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đạt ra để xem xét lại.

5]. Về án phí: Áp dụng Khoản 2, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Trần Văn S và Rơ Ông Y T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, anh Nguyễn Văn Q phải nộp án phí DSST theo luật định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị các cáo Trần Văn S và Rơ Ông Y T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60, Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án (07/3/2018).

Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60; Điều 69, Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Rơ Ông Y T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án (07/3/2018).

Giao các bị cáo Trần Văn S, Rơ Ông Y T cho UBND xã R, huyện R, tỉnh Lâm Đồng nơi các bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương để theo dõi giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. **Trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự**.

Áp dụng điều 42 Bộ luật Hình sự. Buộc anh Nguyễn Văn Q phải trả cho anh Giàng A H số tiền 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng).

Về án phí: Áp dụng Khoản 2, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý bà sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Trần Văn S và Rơ Ông Y T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đ án phí DSST.

Báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/3/2018) riêng anh Q vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phác thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *Phòng KTNV và THA TAND tỉnh LĐ;*
- *VKSND huyện Đam Rông;*
- *Chi Cục THADS huyện Đam Rông;*
- *Cơ quan THAHS Công an huyện Đam Rông;*
- *Bị cáo, Các đương sự khác;*
- *Lưu bộ phận.*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Rung K'Nhơn